

Số: *01* /QĐ-BCĐTW

Hà Nội, ngày 22 tháng 8 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Kế hoạch triển khai
Chương trình Mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2018 - 2020

TRƯỞNG BAN CHỈ ĐẠO TRUNG ƯƠNG

Căn cứ Nghị quyết số 100/2015/QH13 ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội khóa XIII phê duyệt chủ trương đầu tư các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 và Quyết định số 1760/QĐ-TTg ngày 10 tháng 11 năm 2017 điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 1584/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020

Căn cứ Quyết định số 490/QĐ-TTg ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình Mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2018 - 2020;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch triển khai Chương trình Mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2018 - 2020.

Điều 2. Căn cứ vào Kế hoạch của Ban Chỉ đạo: các thành viên Ban Chỉ đạo Trung ương các Chương trình Mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020, các Bộ, ban ngành Trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng kế hoạch chi tiết và bố trí nguồn lực thực hiện, gửi về Ban Chỉ đạo Trung ương (*qua Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương*) để tổng hợp, theo dõi.

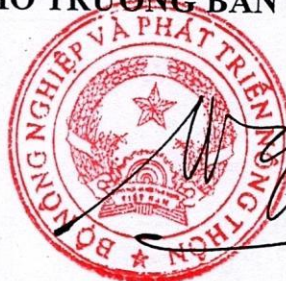
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Các thành viên Ban Chỉ đạo Trung ương các Chương trình Mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020, các Bộ, ban ngành Trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan, các đơn vị trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Phó TTCP Vương Đình Huệ (để b/c);
- Thành viên BCĐTW các CTMTQG;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở NNPTNT, VPĐP NTM các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Bộ NNPTNT(VPĐP, các đơn vị thuộc Bộ);
- Lưu: VT, VPĐP.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN THƯỜNG TRỰC**



**BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
Nguyễn Xuân Cường**

Hà Nội, ngày 22 tháng 8 năm 2018.

KẾ HOẠCH

Triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm, giai đoạn 2018 - 2020
(Ban hành kèm theo Quyết định số 01 /QĐ-BCĐTW ngày 22 tháng 8 năm 2018
của Ban Chỉ đạo Trung ương các Chương trình Mục tiêu quốc gia
giai đoạn 2016-2020)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Triển khai đồng bộ các giải pháp, huy động các nguồn lực xã hội để thực hiện Chương trình Mỗi xã một sản phẩm, giai đoạn 2018 - 2020 (gọi tắt là *Chương trình OCOP*) đảm bảo đúng tiến độ thời gian và hiệu quả theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, góp phần thực hiện hiệu quả nhóm tiêu chí “Kinh tế và tổ chức sản xuất” trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, nâng cao thu nhập, đời sống cho nhân dân.

2. Bám sát quan điểm, mục tiêu của Chương trình OCOP và thực tế tại địa phương, xác định rõ nội dung, nhiệm vụ và các giải pháp trọng tâm để triển khai thực hiện Chương trình OCOP. Chủ động, quyết tâm và phối hợp thường xuyên, thống nhất giữa các Bộ, ngành, địa phương và các cơ quan liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện.

II. MỤC TIÊU

1. Phân đầu tiêu chuẩn hóa ít nhất 50% sản phẩm hiện có của các địa phương (*khoảng 2.400 sản phẩm*), triển khai phát triển các làng (bản) văn hóa du lịch. Tập trung vào đa dạng hóa, chế biến sâu các sản phẩm theo chuỗi giá trị, hoàn thiện tổ chức sản xuất theo hướng liên kết giữa hộ sản xuất với tổ hợp tác, hợp tác xã và doanh nghiệp.

2. Củng cố, kiện toàn 100% tổ chức kinh tế (*khoảng 3.900 doanh nghiệp, hợp tác xã*) và phát triển mới ít nhất 500 tổ chức kinh tế (*doanh nghiệp, hợp tác xã*) tham gia Chương trình OCOP.

3. Đào tạo, tập huấn 100% cán bộ cấp trung ương, tỉnh, huyện (*khoảng 1.200 cán bộ*) trực tiếp triển khai Chương trình OCOP về nghiệp vụ quản lý, điều hành chương trình; Đào tạo, tập huấn kiến thức chuyên môn quản lý sản xuất, kinh doanh cho 100% lãnh đạo doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, chủ hộ sản xuất có đăng ký kinh doanh tham gia Chương trình OCOP.

4. Ban hành Bộ Tiêu chí đánh giá, xếp hạng sản phẩm OCOP cấp quốc gia, làm cơ sở để các địa phương định hướng quản lý sản xuất, quản lý chất lượng sản phẩm một cách thống nhất, đồng bộ.

5. Xây dựng, vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu Chương trình OCOP (về tổ chức kinh tế, sản phẩm OCOP cấp quốc gia) nhằm hỗ trợ tích cực công tác quản lý nhà nước và kết nối thông tin, xúc tiến thương mại sản phẩm OCOP toàn quốc.

III. NỘI DUNG, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Triển khai thực hiện Chu trình OCOP

1.1. Chu trình OCOP được triển khai thực hiện thường niên theo 06 bước (Phụ lục số 01, Quyết định số 490/QĐ-TTg ngày 07/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ) đảm bảo nguyên tắc: Nhà nước hỗ trợ, hướng dẫn - Các cơ sở sản xuất đề xuất trực tiếp theo nhu cầu và khả năng thực tế.

1.2. Ban hành tài liệu hướng dẫn để các địa phương triển khai thực hiện Chu trình OCOP một cách rộng rãi, khách quan. Tập trung chuyên sâu cho công tác hướng dẫn, tập huấn, tư vấn tại chỗ, kết nối nguồn lực cho việc phát triển ý tưởng sản phẩm, triển khai các dự án sản xuất, kinh doanh.

1.3. Tổ chức các cuộc thi đánh giá, xếp hạng sản phẩm OCOP cấp huyện, cấp tỉnh và cấp quốc gia (tùy điều kiện thực tế, các tỉnh, thành phố có thể tổ chức ngay từ năm 2018, đối với cấp quốc gia, sẽ thực hiện từ năm 2019); công bố kết quả xếp hạng sản phẩm vào dịp Hội chợ, triển lãm OCOP cấp tỉnh và cấp quốc gia.

2. Tập trung chuẩn hóa và phát triển sản phẩm OCOP

2.1. Rà soát, đánh giá tiêu chuẩn chất lượng các sản phẩm hiện có, định hướng các tổ chức kinh tế nâng cao chất lượng sản phẩm theo tiêu chí OCOP. Tiêu chuẩn hóa các sản phẩm hiện có đảm bảo mục tiêu đề ra, bao gồm:

- a) Nhóm sản phẩm Thực phẩm;
- b) Nhóm sản phẩm Đồ uống;
- c) Nhóm sản phẩm Thảo dược;
- d) Nhóm sản phẩm Vải và may mặc;
- đ) Nhóm sản phẩm Lưu niệm - nội thất - trang trí;
- e) Nhóm sản phẩm Dịch vụ du lịch nông thôn, bán hàng OCOP.

2.2. Khuyến khích, thu hút, hỗ trợ các tổ chức kinh tế phát triển sản phẩm mới và đa dạng hóa sản phẩm.

3. Xây dựng, ban hành Bộ Tiêu chí đánh giá, xếp hạng sản phẩm

Xây dựng và ban hành Bộ Tiêu chí đánh giá, xếp hạng sản phẩm (tạm thời) và quy trình đánh giá sản phẩm OCOP thống nhất trong phạm vi cả nước đảm bảo các quy định về quản lý chất lượng hàng hóa hiện hành, đảm bảo chất lượng sản phẩm hàng hóa, dịch vụ trong Chương trình OCOP.

4. Đào tạo, tập huấn, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

4.1. Xây dựng và ban hành Bộ Tài liệu đào tạo của Chương trình OCOP (*Phụ lục số 03, Quyết định số 490/QĐ-TTg ngày 07/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ*) để triển khai đào tạo, tập huấn cho đội ngũ cán bộ quản lý các cấp; lãnh đạo tại các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, chủ hộ sản xuất tham gia Chương trình OCOP.

4.2. Tập trung đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý các cấp, nhất là cấp trung ương, cấp tỉnh theo hình thức đào tạo tập huấn viên nguồn (TOT)

4.3. Tổ chức thực hành phát triển ý tưởng sản phẩm, quản lý sản xuất, xúc tiến thương mại cho đội ngũ cán bộ quản lý các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, chủ hộ sản xuất cũng như các đối tác OCOP tư vấn khác, đảm bảo tính thực tiễn, hiệu quả.

Trong quá trình triển khai công tác đào tạo, tập huấn, chú trọng kết hợp, lồng ghép với các chương trình đào tạo nghề cho lao động ở nông thôn để đa dạng hóa nội dung và nguồn lực.

5. Ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất - kinh doanh các sản phẩm, dịch vụ OCOP

5.1. Xây dựng và triển khai các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học và phát triển, hoàn thiện, ứng dụng công nghệ vào sản xuất, kinh doanh các sản phẩm OCOP, nhất là ứng dụng các công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường. Các đề tài/dự án dựa trên nhu cầu cụ thể của các tổ chức kinh tế (*ưu tiên các hợp tác xã và các doanh nghiệp nhỏ và vừa có địa chỉ ứng dụng cụ thể*).

5.2. Ứng dụng khoa học quản lý trong xây dựng mô hình doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã sản xuất sản phẩm OCOP tại cộng đồng.

5.3. Ứng dụng triệt để các nội dung của Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 (4.0), đặc biệt thực hiện các ứng dụng công nghệ của Nông nghiệp 4.0 vào tổ chức sản xuất hàng hóa, dịch vụ trong Chương trình OCOP.

5.4. Tăng cường phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội, nhất là Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh xây dựng và triển khai phong trào phát triển kinh tế, khởi nghiệp trong đoàn viên, hội viên nhằm thúc đẩy những ý tưởng sáng tạo trong phát triển sản phẩm OCOP.

6. Triển khai các dự án thành phần

6.1. Cấp quốc gia: xây dựng, triển khai các dự án, bao gồm:

(1) Dự án phát triển lô gô, thương hiệu quốc gia sản phẩm Chương trình OCOP;

(2) Dự án Làng/bản Văn hóa Du lịch;

(3) Dự án phát triển vùng sản xuất, dịch vụ nông thôn trọng điểm quốc gia (*tại một số địa phương đại diện về đặc điểm sinh thái, văn hóa trên cả nước*);

- (4) Dự án Trung tâm thiết kế sáng tạo sản phẩm OCOP Quốc gia;
- (5) Dự án Cơ sở dữ liệu Chương trình OCOP Quốc gia.

6.2. Cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

(1) Căn cứ theo đặc điểm của từng địa phương, các tỉnh, thành phố xây dựng và triển khai một số dự án cấp tỉnh: i) phát triển thương hiệu sản phẩm OCOP; ii) dự án Làng/bản văn hóa du lịch; iii) dự án phát triển vùng sản xuất trọng điểm của địa phương; iv) dự án Trung tâm, điểm bán sản phẩm OCOP.

(2) Các tỉnh, thành phố căn cứ theo nhu cầu tham gia Chương trình OCOP của các tổ chức kinh tế để xây dựng, triển khai các dự án phù hợp. Đồng thời lựa chọn có trọng điểm, trọng tâm một số sản phẩm có lợi thế để tập trung hỗ trợ, xây dựng, triển khai các dự án sản xuất, chế biến, thương mại và dịch vụ mang tính liên vùng, liên huyện, có lộ trình phù hợp với thực tế và điều kiện mỗi địa phương.

7. Xúc tiến thương mại sản phẩm OCOP

7.1. Tập trung quảng bá, tiếp thị sản phẩm OCOP bằng nhiều hình thức, tập trung thực hiện xúc tiến thương mại đối với các sản phẩm đạt từ 3 đến 5 sao.

7.2. Tổ chức thường niên các kỳ xúc tiến thương mại, hội chợ, triển lãm sản phẩm OCOP cấp quốc gia và cấp tỉnh.

7.3. Chú trọng phát triển hình thức thương mại điện tử trong quảng bá, tiêu thụ sản phẩm OCOP.

7.4. Xây dựng hệ thống trung tâm, điểm bán hàng giới thiệu và bán sản phẩm OCOP tại các khu vực đông dân cư, khu vực phát triển du lịch, các trung tâm thương mại.

8. Cơ chế, chính sách và huy động nguồn lực tài chính thực hiện Chương trình OCOP

8.1. Hướng dẫn các tổ chức kinh tế, hộ sản xuất tham gia thực hiện Chương trình OCOP áp dụng thực hiện các chính sách hiện hành của nhà nước về phát triển ngành nghề, phát triển nông nghiệp, nông thôn trong tham gia triển khai Chương trình OCOP, bao gồm: Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn; Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn; Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; Nghị định số 58/NĐ-CP ngày 18/04/2018 về bảo hiểm nông nghiệp; Quyết định số 461/QĐ-TTg 2018 ngày 27/4/2018 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án phát triển 15.000 HTX, liên hiệp HTX nông nghiệp hoạt động có hiệu quả đến năm 2020; Chương trình khoa học công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới; các cơ chế chính sách hiện hành về khuyến nông, khuyến công, khoa học công nghệ, nghiên cứu bổ sung các chính sách khuyến khích các doanh

nghiệp đầu tư vào các xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn vùng dân tộc thiểu số và miền núi trong tham gia triển khai Chương trình OCOP...

8.2. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tùy điều kiện thực tế, ban hành cơ chế, chính sách phù hợp để hỗ trợ các lĩnh vực: phát triển vùng nguyên liệu, cơ sở hạ tầng phát triển sản xuất (gồm các khu vực sản xuất tập trung), công nghệ, vốn, đào tạo phát triển nguồn nhân lực, phát triển sản phẩm, phân phối, tiếp thị, liên kết chuỗi trên cơ sở rà soát các chính sách hiện có, từ đó bổ sung các chính sách mới cho Chương trình OCOP.

8.3. Nguồn lực từ cộng đồng được xác định là nguồn lực chính của Chương trình OCOP, bao gồm: Tài chính, đất đai, sức lao động, nguyên vật liệu, công nghệ, ý tưởng... phù hợp với các quy định của pháp luật, được huy động trong quá trình hình thành các tổ chức OCOP, dưới dạng góp vốn; triển khai các hoạt động theo Chương trình OCOP.

8.4. Nguồn vốn tín dụng: Chủ yếu từ nguồn tín dụng ngân hàng, tín dụng cộng đồng, huy động nguồn lực tài chính từ các quỹ đầu tư, các tổ chức quốc tế, các nhà tài trợ.

8.5. Ngân sách nhà nước hỗ trợ một phần, bao gồm: Ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020; các nguồn ngân sách hỗ trợ Chương trình khoa học và công nghệ, khuyến công, khuyến nông, các nguồn vốn lồng ghép khác của trung ương và các địa phương, ODA và các nguồn lực huy động khác.

9. Củng cố, kiện toàn hệ thống quản lý, điều hành thực hiện Chương trình OCOP

9.1. Trên nguyên tắc sử dụng bộ máy hiện có, không làm phát sinh bộ máy, không làm tăng biên chế, bộ máy chỉ đạo, điều hành Chương trình OCOP các cấp được kiện toàn theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ theo hướng lồng ghép nhiệm vụ trong Ban Chỉ đạo và Văn phòng Điều phối nông thôn mới các cấp, có bộ phận chuyên trách triển khai Chương trình OCOP.

9.2. Thành lập Hội đồng tư vấn, Hội đồng đánh giá và xếp hạng sản phẩm OCOP

(1) Cấp Trung ương:

- Bộ trưởng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành lập Hội đồng tư vấn Chương trình OCOP để hỗ trợ các địa phương đánh giá, xếp hạng sản phẩm; tư vấn xây dựng thương hiệu quốc gia sản phẩm OCOP; giám sát chất lượng sản phẩm OCOP; nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách thực hiện Chương trình OCOP;

- Chánh Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương xây dựng và phát triển mạng lưới các Tổ chuyên gia tư vấn theo từng lĩnh vực ngành hàng và nội dung hỗ trợ kỹ thuật để giúp tư vấn, hỗ trợ triển khai các dự án thành phần cấp Trung ương, hỗ trợ các địa phương triển khai Chương trình OCOP.

(2) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, huyện: Thành lập Hội đồng đánh giá và xếp hạng sản phẩm ở cấp tỉnh và huyện tại mỗi kỳ đánh giá thường niên, do Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định.

(3) Các đối tác OCOP phối hợp với các cơ quan quản lý triển khai Chương trình OCOP các cấp để tham gia, phát triển mạng lưới đội ngũ chuyên gia tư vấn, đội ngũ các nghệ nhân để hỗ trợ triển khai Chương trình OCOP ở các địa phương.

10. Công tác thông tin, tuyên truyền về Chương trình OCOP

10.1. Tổ chức tuyên truyền sâu rộng trên các phương tiện thông tin đại chúng về mục đích, ý nghĩa của Chương trình OCOP trên phạm vi cả nước, để các tầng lớp xã hội và người dân thấy được lợi ích, giá trị kinh tế, giá trị nhân văn khi thực hiện Chương trình OCOP.

10.2. Các cấp ủy, chính quyền, Ban chỉ đạo, Văn phòng Điều phối nông thôn mới các cấp đẩy mạnh quán triệt tâm quan trọng và ý nghĩa của Chương trình OCOP, nguyên tắc và chu trình OCOP thường niên; đưa Chương trình OCOP vào Nghị quyết, chương trình hành động của cấp ủy, chính quyền các cấp để chỉ đạo triển khai thực hiện thường xuyên.

10.3. Đa dạng hóa các hình thức thông tin, tuyên truyền dưới dạng hội nghị chuyên đề; hội thảo, diễn đàn trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm; các hoạt động tôn vinh những gương điển hình tiên tiến trong triển khai thực hiện Chương trình OCOP; xây dựng các chuyên trang, chuyên mục trên các báo, đài, các trang thông tin điện tử ở các cấp về Chương trình OCOP.

11. Hợp tác quốc tế

11.1. Tăng cường hợp tác với các quốc gia đã, đang triển khai Chương trình OVOP, OTOP, OCOP trên thế giới, nhằm học hỏi và đưa sản phẩm OCOP xuất khẩu và tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường quốc tế.

11.2. Tổ chức các chuyên tham quan học tập Chương trình tại Thái Lan, Nhật Bản và các quốc gia thích hợp (ưu tiên thành phần tham gia là đội ngũ cán bộ nhà nước trực tiếp tham gia quản lý, điều hành, cán bộ quản lý các doanh nghiệp, hợp tác xã, chủ hộ sản xuất trong Chương trình OCOP).

11.3. Tổ chức giao lưu thương mại sản phẩm giữa các quốc gia thông qua tham gia các sự kiện triển lãm, hội chợ OCOP Việt Nam và quốc tế.

11.4. Tổ chức diễn đàn OCOP quốc tế 01 đến 02 năm/lần nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác triển khai Chương trình OCOP và huy động các nguồn lực quốc tế tham gia Chương trình OCOP.

IV. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

1. Quý III/2018:

- Tổ chức Hội nghị quán triệt các cấp về triển khai Chương trình OCOP.

- Triển khai công tác đào tạo, tập huấn Chương trình OCOP cấp quốc gia cho ba miền Bắc, Trung, Nam.

- Hoàn thành lựa chọn một số tỉnh, thành phố theo vùng kinh tế, để chỉ đạo điểm triển khai Chương trình OCOP.

2. Quý IV/2018:

- Ban hành Bộ tiêu chí đánh giá, xếp hạng sản phẩm; Bộ tài liệu đào tạo Chương trình OCOP.

- Các tỉnh, thành phố hoàn thành phê duyệt Đề án Chương trình OCOP và ban hành Kế hoạch triển khai Chương trình OCOP, triển khai thực hiện Chu trình OCOP thường niên.

3. Năm 2019: Thực hiện Chu trình OCOP thường niên.

4. Năm 2020:

- Thực hiện Chu trình OCOP thường niên.

- Quý IV/2020: Tổng kết, đánh giá Chương trình OCOP giai đoạn 2018 – 2020 và đề xuất Chương trình OCOP cho giai đoạn 2021 - 2030.

V. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ

Các Bộ, ngành là thành viên Ban Chỉ đạo Trung ương các Chương trình mục tiêu quốc gia và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, căn cứ nhiệm vụ được Thủ tướng Chính phủ phân công tại Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016, số 1760/QĐ-TTg ngày 10/11/2017, số 490/QĐ-TTg ngày 07/5/2018 và các nội dung của Kế hoạch này, chủ động xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện giai đoạn và hằng năm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và điều kiện thực tiễn.

Trong phạm vi Kế hoạch này, Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương phân công một số nhiệm vụ cụ thể của một số Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, cụ thể như sau:

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1.1. Cơ quan thường trực, điều phối các hoạt động triển khai Chương trình OCOP;

1.2. Chỉ đạo và hỗ trợ, hướng dẫn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng Đề án, Kế hoạch thực hiện Chương trình OCOP ở địa phương;

1.3. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xây dựng và ban hành Bộ tiêu chí đánh giá, xếp hạng sản phẩm OCOP; bộ tài liệu đào tạo Chương trình OCOP; bộ tài liệu hướng dẫn triển khai Chu trình OCOP;

1.4. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan, các tỉnh, thành phố xây dựng và triển khai các dự án thành phần cấp Trung ương của Chương trình OCOP;

1.5. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan ban hành hướng dẫn, hỗ trợ các đơn vị sản xuất hoàn thiện hồ sơ và làm thủ tục tự công bố đối với các sản phẩm thực phẩm thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý theo Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ, đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định hiện hành trước khi đưa sản phẩm lưu thông trên thị trường;

1.6. Chủ trì, phối hợp các bộ, ngành liên quan thực hiện Chu trình OCOP thường niên và công tác đánh giá, xếp hạng sản phẩm OCOP;

1.7. Phối hợp với các tỉnh, thành lựa chọn một số tỉnh, thành phố, làng văn hóa du lịch đại diện cho các vùng sinh thái, kinh tế để Trung ương chỉ đạo thí điểm thực hiện Chương trình OCOP;

1.8. Phối hợp với Bộ Công Thương, Giao thông Vận tải phát triển hệ thống phân phối, bán lẻ sản phẩm OCOP tại các trạm, điểm dừng nghỉ, nhà ga trên các tuyến giao thông hàng không, đường sắt, đường bộ, đường thủy;

1.9. Phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông, các cơ quan thông tấn, báo chí, phát thanh, truyền hình đẩy mạnh công tác truyền thông, thông tin tuyên truyền về Chương trình OCOP.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư

2.1. Chủ trì thẩm định và dự kiến phân bổ kinh phí, chỉ tiêu, nhiệm vụ thực hiện Chương trình OCOP theo đề xuất của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

2.2. Rà soát cơ chế, chính sách hiện hành, ban hành hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền ban hành các cơ chế, chính sách đầu tư hỗ trợ thực hiện Chương trình OCOP.

2.3. Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài Chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cân đối, đảm bảo bố trí vốn đầu tư và sự nghiệp để thực hiện các mục tiêu, nội dung, nhiệm vụ của Chương trình OCOP theo quy định.

3. Bộ Tài chính

3.1. Chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cân đối, đảm bảo bố trí vốn đầu tư và sự nghiệp để thực hiện các nội dung, nhiệm vụ của Chương trình OCOP theo quy định.

3.2. Hướng dẫn các đơn vị về quản lý và sử dụng nguồn kinh phí ngân sách để thực hiện Chương trình OCOP.

4. Bộ Công Thương

4.1. Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành quan liên quan đẩy mạnh hoạt động khuyến công, hỗ trợ phát triển sản xuất, xúc tiến thương mại cho các sản phẩm OCOP;

4.2. Chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, ban hành quy định về quản lý hệ thống phân phối hàng hóa, các trung tâm, điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP;

4.3. Chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Giao thông Vận tải phát triển hệ thống phân phối, bán lẻ sản phẩm OCOP tại điểm giới thiệu, bán hàng, các trạm, điểm dừng nghỉ, nhà ga trên các tuyến giao thông hàng không, đường sắt, đường bộ, đường thủy.

4.4. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan ban hành hướng dẫn, hỗ trợ các đơn vị sản xuất hoàn thiện hồ sơ và làm thủ tục tự công bố đối với các sản phẩm thực phẩm thuộc Bộ Công Thương quản lý theo Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ, đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định hiện hành trước khi đưa sản phẩm lưu thông trên thị trường .

4.5. Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan thường xuyên kiểm tra, giám sát các sản phẩm OCOP lưu thông trên thị trường; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm về hàng giả, hàng kém chất lượng; vi phạm quy định về quản lý nhãn hiệu OCOP theo quy định;

4.6. Hàng năm, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các bộ, ngành liên quan tổ chức các kỳ đánh giá và xếp hạng sản phẩm OCOP.

5. Bộ Khoa học và Công nghệ

5.1. Chủ trì hướng dẫn, kiểm tra các đơn vị sản xuất sử dụng mẫu mã bao bì, kiểu dáng công nghiệp đã được cấp giấy chứng nhận đảm bảo đúng quy định. Có biện pháp xử lý các hành vi vi phạm về sở hữu công nghiệp, nhãn hàng hóa sản phẩm OCOP.

5.2. Chỉ đạo các Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp nhu cầu về ứng dụng công nghệ trong chế biến và bảo quản sản phẩm của các đơn vị sản xuất tham gia OCOP trên địa bàn các tỉnh, từ đó có phương án cung cấp thông tin, hỗ trợ tư vấn về chính sách; kết nối các nhà cung cấp để ứng dụng công nghệ mới nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm; hỗ trợ các địa phương đăng ký sở hữu trí tuệ sản phẩm OCOP;

5.3. Hàng năm, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các bộ, ngành liên quan tổ chức các kỳ đánh giá và xếp hạng sản phẩm OCOP.

6. Bộ Y tế

6.1. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan ban hành hướng dẫn, hỗ trợ các đơn vị sản xuất hoàn thiện hồ sơ đăng ký bản công bố sản phẩm và làm thủ tục tự công bố đối với các sản phẩm thực phẩm thuộc Bộ Y tế quản lý quản lý Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ, đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định hiện hành trước khi đưa sản phẩm lưu thông trên thị trường .

6.2. Chỉ đạo các cơ quan trong ngành hỗ trợ các tổ chức kinh tế, hộ sản xuất thực hiện các quy định liên quan đến an toàn thực phẩm, đăng ký công bố chất lượng sản phẩm làm thủ tục hồ sơ đăng ký bản công bố sản phẩm và tự công bố đối với các sản phẩm thực phẩm thuộc Bộ Y tế quản lý quản lý theo Nghị định số 15/2018 của Chính phủ đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định hiện hành trước khi đưa sản phẩm lưu thông trên thị trường; thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học nghiên cứu phát triển, xây dựng tiêu chuẩn chất lượng, đánh giá tác dụng của các sản phẩm có nguồn gốc từ dược liệu,...

6.3. Chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn cho các đơn vị sản xuất và cán bộ quản lý các cấp về vệ sinh an toàn thực phẩm;

6.4. Hàng năm, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các bộ, ngành liên quan tổ chức các kỳ đánh giá và xếp hạng sản phẩm OCOP.

7. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

7.1. Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan và các địa phương hướng dẫn, phát triển, quảng bá các nhóm sản phẩm OCOP, nhất là nhóm sản phẩm dịch vụ du lịch trong Chương trình OCOP;

7.2. Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan xây dựng Đề án Chương trình phát triển du lịch nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt;

7.3. Chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn cho các đơn vị quản lý, đơn vị lữ hành về phát triển du lịch nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới;

7.4. Hàng năm, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các bộ, ngành liên quan tổ chức các kỳ đánh giá và xếp hạng sản phẩm OCOP.

8. Bộ Giao thông Vận tải

Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và PTNT, Bộ Công Thương phát triển hệ thống phân phối, bán lẻ sản phẩm OCOP tại các trạm, điểm dừng nghỉ, nhà ga trên các tuyến giao thông hàng không, đường sắt, đường bộ, đường thủy.

9. Bộ Thông tin và Truyền thông

9.1. Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan và các địa phương hướng dẫn, các cơ quan, đơn vị báo chí, phát thanh, truyền hình ở Trung ương, địa phương mở các chuyên mục, tọa đàm để tuyên truyền về nội dung, mục đích, ý nghĩa của Chương trình OCOP;

9.2. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị báo chí, phát thanh, truyền hình; các cổng thông tin điện tử, thường xuyên đăng tải các tin, bài về triển khai Chương trình OCOP, các hội nghị, hội thảo, các gương tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu trong thực hiện Chương trình OCOP;

9.3. Hàng năm, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các bộ, ngành liên quan tổ chức các kỳ đánh giá và xếp hạng sản phẩm OCOP.

9.4. Giao Hiệp hội thông tin điện tử tham gia xây dựng cơ sở dữ liệu Chương trình OCOP quốc gia.

10. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Chủ trì, phối hợp với các bộ ngành liên quan rà soát chính sách tín dụng, nghiên cứu đề xuất Ban Chỉ đạo Trung ương cơ chế, chính sách giúp phát triển tín dụng cho Chương trình OCOP; chỉ đạo, hướng dẫn các ngân hàng thương mại, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Agribank, Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam có hướng dẫn cụ thể hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ sản xuất tiếp cận nguồn vốn vay để tổ chức sản xuất trong Chương trình OCOP.

11. Bộ Ngoại giao

11.1. Chủ trì, hỗ trợ các Bộ, ngành, địa phương học tập kinh nghiệm, hoạt động quảng bá sản phẩm OCOP và tăng cường hợp tác với các quốc gia đã có kinh nghiệm trong triển khai Chương trình OCOP; Thông tin và tham mưu về các mô hình triển khai hiệu quả Chương trình OCOP hoặc chương trình tương đương khác tại một số quốc gia trên thế giới.

11.2. Chỉ đạo hệ thống các cơ quan ngoại giao ở nước ngoài tăng cường thông tin truyền thông, quảng bá sản phẩm OCOP Việt Nam tại nước sở tại.

12. Các Bộ, ban, ngành Trung ương khác: Theo chức năng, nhiệm vụ của mình chủ động xây dựng kế hoạch tổ chức triển khai Chương trình OCOP, lồng ghép các hoạt động và nguồn lực trong thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và các chương trình, dự án khác với Chương trình OCOP;

13. Đề nghị cơ quan Trung ương của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, các tổ chức xã hội nghề nghiệp, các hội, hiệp hội tăng cường tổ chức các hoạt động tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên, thành viên tích cực tham gia Chương trình OCOP; chủ động tham gia vào các chuỗi giá trị hình thành trong quá trình triển khai Chương trình OCOP.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương phát động phong trào thi đua, tuyên dương, khen thưởng, tôn vinh sản phẩm OCOP chất lượng cao, tôn vinh các chủ thể tham gia Chương trình OCOP (các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác,..) nhằm cổ vũ, động viên, phát huy vai trò tiên phong của doanh nhân, doanh nghiệp trong phát triển kinh tế xã hội, góp phần thực hiện hiệu quả cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”.

14. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

14.1. Hình thành hệ thống tổ chức thực hiện Chương trình OCOP, trong đó kiện toàn bộ máy, phân công thực hiện cụ thể của từng sở ban ngành trong Ban

chỉ đạo các Chương trình Mục tiêu quốc gia tham gia thực hiện Chương trình OCOP;

14.2. Chỉ đạo xây dựng, phê duyệt Đề án Chương trình OCOP cấp tỉnh và triển khai Kế hoạch thực hiện theo hướng có trọng tâm, trọng điểm, có lộ trình phù hợp đặc điểm của mỗi địa phương, trong đó ưu tiên phát triển các nhóm ngành hàng chủ lực, có lợi thế của mỗi địa phương và phát triển dịch vụ du lịch ở nông thôn;

14.3. Rà soát thực trạng phát triển ngành nghề tại địa phương, có định hướng và giải pháp cụ thể để gắn phát triển ngành nghề với triển khai Chương trình OCOP trên địa bàn;

14.4. Bố trí, lồng ghép kinh phí từ ngân sách Trung ương, địa phương trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và các chương trình, dự án khác trên địa bàn để hỗ trợ triển khai Chương trình OCOP; đồng thời, tăng cường huy động các nguồn lực xã hội hóa để đa dạng hóa kinh phí triển khai Chương trình OCOP trên địa bàn;

14.5. Thường xuyên tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá, kết quả triển khai Chương trình OCOP trên địa bàn; thực hiện nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo định kỳ, đột xuất về cơ quan thường trực Chương trình OCOP cấp Trung ương./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Trưởng BCĐTW (để b/c);
- Thành viên BCĐTW các CTMTQG;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Thứ trưởng Bộ NN và PTNT;
- Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở NNPTNT các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- VPĐP NTM các tỉnh thành phố trực thuộc TW;
- Lưu: VT, VPĐP.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN THƯỜNG TRỰC**



**BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
Nguyễn Xuân Cường**

PHỤ LỤC
TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH MÔI XÃ MỘT SẢN PHẨM, GIAI ĐOẠN 2018-2020
(Kèm theo Kế hoạch Triển khai Chương trình môi xã một sản phẩm giai đoạn 2018-2020 của Ban Chỉ đạo Trung ương các Chương trình mục tiêu quốc gia)

TT	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện/hoàn thành
I	Khởi động Chương trình OCOP			
1	Hội nghị toàn quốc triển khai Chương trình OCOP	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các bộ, ngành liên quan	7/2018
2	Xây dựng kế hoạch chỉ đạo, triển khai Chương trình OCOP của từng Bộ, ban, ngành TW	Các Bộ, ban ngành thành viên Ban Chỉ đạo Trung ương	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quý III/2018
3	Hoàn thành phê duyệt Đề án/Kế hoạch Chương trình OCOP cấp tỉnh	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quý III-IV/2018
II	Kiện toàn, củng cố hệ thống quản lý, điều hành			
1	Xây dựng các quy chế			
a	Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo Chương trình OCOP quốc gia	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các bộ, ngành thành viên Ban Chỉ đạo	Quý IV/2018
b	Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo Chương trình OCOP cấp tỉnh	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố		Quý IV/2018
2	Xây dựng hệ thống hỗ trợ, đối tác Chương trình OCOP	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Bộ: Công thương, Khoa học và Công nghệ, Y tế, Văn hóa, Thể thao và Du lịch,	

TT	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện/hoàn thành
III	Xây dựng Bộ tiêu chí đánh giá, xếp hạng sản phẩm	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	các hiệp hội, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố	Quý III-IV/2018
IV	Triển khai Chu trình OCOP thường niên	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố 	Các Bộ: Công thương, Khoa học và Công nghệ, Y tế, Văn hóa, Thể thao và Du lịch...	Hàng năm
V	Công tác đào tạo Chương trình OCOP			
1	Xây dựng giáo trình, tài liệu đào tạo	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Viện nghiên cứu, trường đại học liên quan	Quý III/2018
2	Triển khai công tác đào tạo	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố 		Hàng năm
VI	Triển khai các dự án thành phần của Chương trình OCOP	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	<ul style="list-style-type: none"> - Các bộ, ngành liên quan; - Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố 	Hàng năm
VII	Ban hành các văn bản hướng dẫn hỗ trợ triển khai Chương trình OCOP			
1	Xây dựng tiêu chí điểm giới thiệu và bán sản	Bộ Công Thương	Bộ Nông nghiệp và	Quý I/2019

TT	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện/hoàn thành
	phẩm OCOP.		Phát triển nông thôn	
2	Quy định về quản lý tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm OCOP	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quý I/2019
3	Hướng dẫn, hỗ trợ đăng ký, xác lập, quản lý và phát triển quyền sở hữu trí tuệ cho các sản phẩm tham gia chương trình	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quý III/2018
4	Quy chế quản lý nhãn hiệu, logo OCOP Quốc gia	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Bộ Khoa học và Công nghệ	Quý III/2018
5	Xây dựng Đề án xây dựng nông thôn mới gắn với phát triển kinh tế du lịch	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quý I/2019
VIII	Công tác Truyền thông giai đoạn 2018 - 2020	Bộ Thông tin và Truyền thông	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; các bộ, ngành, đơn vị liên quan	Hàng năm
IX	Tổng kết Chương trình OCOP giai đoạn 2018 - 2020; đề xuất Chương trình OCOP giai đoạn 2021-2030.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Bộ, ngành	Quý IV/2020